

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành
2. Ông Lương Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Y, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Làng T, xã Tân S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Làng T, xã Tân S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Chị Y trình bày:

Chị và anh Trần Đức M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân S, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 06/9/2012. Việc đăng ký kết hôn giữa anh và chị là tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không hạnh phúc, anh M thường xuyên uống rượu, đánh đập, gây thương tích cho chị, hay xúc phạm danh dự nhân phẩm chị, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng chị và anh M không còn tình cảm, sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M đã

thật sự mất hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Đức M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh Trần Đức M có 01 con chung là cháu K'sor Trần Thị Ánh N, sinh ngày 20/5/2012. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu thành niên và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nông, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Trần Đức M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Đức M trình bày:

Anh và chị Y kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Tân S, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 06/9/2012 và có 01 con chung như chị Y trình bày là đúng. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh có mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân là do chị Y thường xuyên chơi Tiktok trong khi anh suốt ngày đi làm kiếm tiền. Bức xúc quá nên hai vợ chồng xảy ra cãi vã và chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị Y nên mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Y có 01 con chung là cháu K'sor Trần Thị Ánh N – sinh ngày 20/5/2012. Nếu trường hợp phải ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu Nguyệt và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh đang làm thợ xây, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh và chị Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Y yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trần Đức M, địa chỉ: Làng T, xã Tân S, thành phố P, tỉnh Gia Lai và giải quyết về nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Nguyên đơn chị Y vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Y.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Trần Đức M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, chị Y và anh M đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn gay gắt, đã sống ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chị Y đã về nhà mẹ đẻ sống. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Y yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về việc nuôi con: Chị Y và anh M có 01 con chung là cháu K'sor Trần Thị Ánh N, sinh ngày 20/5/2012, chị Y và anh M đều có nguyện vọng nuôi cháu N. Xét thấy, chị Y và anh M đều có công việc, thu nhập ổn định, đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N cho đến khi cháu thành niên, tuy nhiên cháu N là con gái (hơn 11 tuổi), giai đoạn này cần sự chăm sóc của người mẹ để hướng dẫn, giúp đỡ cháu về mọi mặt ở lứa tuổi dậy thì, mặc khác nguyện vọng cháu N muốn được ở cùng mẹ. Do đó, thuận theo nguyện vọng của cháu N và để đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y và giao cháu N cho chị Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu thành niên và tự lập được; không chấp nhận yêu cầu của anh M về việc giao cháu N cho anh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu N thành niên và tự lập được.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y

1. *Về hôn nhân*: Chị Y ly hôn với anh Trần Đức M.

2. *Về việc nuôi con*: Giao cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu K'sor Trần Thị Ánh N, sinh ngày 20/5/2012 cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000254 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- Chi cục THADS Tp.P;
- UBND xã Tân S, thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Thu